

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TA GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TA GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110626456

**3. Ngày thành lập:** 16/02/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 66/31/135 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0899212368

Fax:

Email: tagroup.ct@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa<br>( Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                 | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                         | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                        | 4651        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                         | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                            | 4659        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                          | 4669        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                  | 8230        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)<br>- Dịch vụ nhận ủy thác mua bán hàng hóa dịch vụ | 8299        |
| 9.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động của các sân nhẩy; trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)                                                        | 9329        |
| 10. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                  | 9511        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                 | 9512        |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201(Chính) |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                        | 6202        |

|     |                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                             | 6209 |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)                                                                                                | 6311 |
| 16. | Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                      | 6312 |
| 17. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí<br>(trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí) | 6399 |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                         | 7020 |
| 19. | Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                           | 7310 |
| 20. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                  | 7320 |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                              | 7410 |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                     | 7490 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp (Trừ loại cấm)                                                                                                                                                                                            | 4690 |
| 24. | In ấn (trừ hoạt động xuất bản)                                                                                                                                                                                              | 1811 |
| 25. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                    | 1812 |
| 26. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                   | 1820 |
| 27. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                   | 2620 |
| 28. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                              | 2630 |
| 29. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                              | 2651 |
| 30. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                              | 2710 |
| 31. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                          | 4783 |
| 32. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                             | 4791 |
| 33. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                        | 4799 |
| 34. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                 | 5210 |
| 35. | Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                             | 5820 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Hoạt động hậu kỳ<br>Chi tiết: Hoạt động như biên tập, truyền phim/băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim), thuyết minh đồ họa máy tính, các hiệu ứng đặc biệt về chuyển động, phát triển và xử lý phim điện ảnh (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh). | 5912 |
| 37. | Hoạt động viễn thông khác<br>(trừ bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6190 |
| 38. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730 |
| 39. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3320 |
| 40. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4741 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 980.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông               | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>QUANG<br>NHẬT   | Số 10 ngõ 2 Vạn<br>Phúc, Phường<br>Kim Mã, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 29.400        | 294.000.000              | 3,000        | 0911850005<br>92                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Tổng số                            | 29.400        | 294.000.000              | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐƯỜNG<br>MINH THÁI<br>TÂM | Tt Cục Đo Lường<br>Chất Lượng, Tdp<br>3, Phường Cổ<br>Nhuế 2, Quận Bắc<br>Từ Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 499.800       | 4.998.000.000            | 51,000       | 0200830034<br>19                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     | Tổng số                            | 499.800       | 4.998.000.000            | 51,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                       |                           |         |               |        |              |
|---|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN THẾ ANH | Số 1 Ngõ 298 Đường Ngọc Hồi, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 450.800 | 4.508.000.000 | 46,000 | 037095003560 |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Tổng số                   | 450.800 | 4.508.000.000 | 46,000 |              |
|   |              |                                                                                       |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG NHẬT

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 16/10/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 091185000592

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Số 10 ngõ 2 Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10 ngõ 2 Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội